

VĂN HỌC CAMPUCHIA TỪ SAU NĂM 1993: KHUYNH HƯỚNG VÀ TÁC GIA, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

NGUYỄN SỸ TUẤN*

Hai sự kiện có ý nghĩa nổi bật trong đời sống chính trị, xã hội của Campuchia cuối thế kỷ XX là việc ký Hiệp định hòa bình Pais về Campuchia (1991) và thành lập Chính phủ liên hiệp của Vương quốc Campuchia (1993). Hai sự kiện chính trị này đã làm thay đổi diện mạo Campuchia, đưa đất nước này vào thời kỳ vào thời kỳ phát triển mới. Nếu như về kinh tế, Campuchia thực hiện một nền kinh tế thị trường tự do và tư nhân hóa thì về chính trị, Campuchia trở lại chế độ quân chủ lập hiến, đồng thời thực hiện đường lối dân chủ, tự do, đa đảng. Những thay đổi này đã kéo theo sự thay đổi trong nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội...

Về văn học, sự thay đổi dễ nhận thấy đầu tiên là sự tái thành lập Hội những nhà sáng tác Khmer (Hội nhà văn), vào ngày 12/4/1993⁽¹⁾. Lúc tái thành lập, Hội chỉ có 20 hội viên, trong đó có 11 hội viên là những người may mắn còn sống sót sau nạn diệt chủng, do nhà văn You Bo làm Chủ tịch Hội⁽²⁾. Sau khi tái thành lập, Hội nhà văn Campuchia đã tiến hành phát triển thêm nhiều hội viên mới ở Thủ đô Phnôm Pênh và các tỉnh, thành trong cả

nước (đến năm 2003, Hội đã có 186 hội viên⁽³⁾), tổ chức các lớp học về sáng tác văn học. Đặc biệt, Hội đã tích cực vận động các tổ chức thuộc chính phủ và các tổ chức phi chính phủ (NGO) ủng hộ, tài trợ cho phong trào sáng tác văn học. Nhờ các hoạt động này, từ năm 1995 trở đi, Hội đã tổ chức các cuộc thi sáng tác văn học, với hình thức trao các giải thưởng hàng năm: “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech” với sự hỗ trợ của Quốc vương N. Sihanouk và “Giải thưởng ngày Bảy tháng Giêng”, với sự hỗ trợ của Thủ tướng Hun Sen. Mỗi một giải thưởng đều có những nguyên tắc, thể lệ, tiêu chí riêng của mình. Việc Thủ tướng Chính phủ và người đứng đầu Nhà nước (Quốc vương) đứng tên “giải thưởng” đã thu hút được nhiều người sáng tác văn học tham gia. Ngay trong năm đầu tiên tổ chức (1995, Giải Preah Sihanouk Riech), về tiểu thuyết, giải nhất: *Sóng vỗ cát* (của Mau Xom-nang) và *Không thể nào quên* (của Pal Van-na-ri-ra); về thơ, giải nhất: *Sân khấu đời người* (Pôn Pi-xây). Tất cả các tác phẩm được giải, từ giải nhất, nhì, ba, tư, năm đến giải khuyến khích đều được Hội nhà văn tài trợ để xuất bản một năm sau đó.

* TS. Nguyễn Sỹ Tuấn, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Cũng cần nói thêm là phong trào sáng tác văn học trong thời kỳ này còn được trợ giúp đắc lực của báo chí, vốn mọc lên như nấm ngay sau khi Vương quốc Campuchia được thành lập và thực hiện đường lối tự do, dân chủ. Chỉ riêng ở Phnôm Pênh đã có 54 tờ báo⁽⁴⁾. Hầu hết các tờ báo đều có những trang cố định để đăng liên tục các truyện ngắn, tiểu thuyết và thơ. Đây là một “truyền thống” có từ cuối những năm ba mươi của thế kỷ trước.

Trong các cuộc thi này, bên cạnh một số tác giả vốn đã xuất hiện trong thời kỳ “Cộng hòa nhân dân Campuchia” (1979-1991) nay tiếp tục khẳng định giá trị, tài năng của mình trong giai đoạn mới như Ven Xôn, Un Xoc Heang, Kim Pếch Pi-nuôn, Mau Xom-nang..., một số tác giả trẻ mới đã xuất hiện.

Các khuynh hướng văn học chủ yếu

Có lẽ hiếm nơi đâu như ở đây, chỉ trong khoảng bốn mươi năm, người dân đã trải 5 chế độ chính trị khác nhau⁽⁵⁾. Qua các chế độ chính trị đó, dân chúng Campuchia đã nếm trải, đã chiêm nghiệm đến tận cùng của mọi sự đau khổ, hạnh phúc. Các nhà văn cũng vậy. Mặt khác, như đã nói ở trên, từ sau năm 1993, Campuchia trở về với thể chế quân chủ lập hiến nhưng lại theo đường lối tự do, dân chủ, đa nguyên, đa đảng. Vì thế Campuchia tồn tại rất nhiều đảng phái (đã có lúc lên tới 57 đảng phái), tạo nên bức tranh chính trị đa sắc màu. Điều này đã tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa, xã hội của Campuchia. Trong lĩnh vực văn học nhiều khuynh hướng sáng tác khác nhau đã xuất hiện. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát, có mấy khuynh hướng mang tính nổi trội sau đây:

Một là, tiếp tục viết về những mất mát, đau thương mà dân tộc Campuchia phải gánh chịu dưới thời Pôl Pốt.

Phải nói rằng “diệt chủng” không còn là vấn đề hay một đề tài mới mẻ, mang tính thời sự. Trong những tám mươi của thế kỷ trước, nó từng là khuynh hướng văn học chủ đạo. Các nhà chính trị thời đó cũng từng yêu cầu viết về chế độ diệt chủng, vừa để nhân dân nhận thức một cách đầy đủ về tội ác của chế độ diệt chủng, lại vừa không được tạo nên cảm giác sợ hãi, không dám đấu tranh chống lại bọn diệt chủng. Từ sau năm 1993, khi đất nước Campuchia bước vào thời kỳ hòa bình, nhất là trong thời gian đầu sau Tổng tuyển cử, khi hòa giải hòa hợp dân tộc được coi là một chiến lược nhằm tạo nên sức mạnh quốc gia thì viết về “chế độ diệt chủng” lại mang một yêu cầu khác, không phải là khơi dậy hay khoét sâu vào nỗi đau vừa liền da thịt mà là nhắc nhở mọi người, không vì sự bộn bề của cuộc sống hiện thời mà quên một thời quá khứ đau thương.

Hai là, tiếp tục phản ánh sự kiện ngày Bảy tháng Giêng năm 1979 và khẳng định “thành tựu của chế độ Cộng hòa nhân dân Campuchia”. Các tác phẩm theo khuynh hướng này thường mang tính luận đề nhằm chứng minh cho một chân lý rằng nếu không có ngày Bảy tháng Giêng năm 1979 thì đất nước Campuchia sẽ không có cuộc hồi sinh kỳ diệu, sẽ không có Hiệp định hòa bình Paris về Campuchia năm 1991, sẽ không có cuộc Tổng tuyển cử năm 1993, sẽ không có “Vương quốc Campuchia II”⁽⁶⁾ và tất nhiên không có sự phát triển như ngày nay.

Ba là, viết về cuộc sống hiện tại dưới tác động của nền kinh tế thị trường và tư tưởng dân chủ, tự do, đa đảng... Những

người đi theo khuynh hướng này thường bám sát hiện thực đời sống sôi động, nhiều màu vẻ, với những mảng sáng, tối khác nhau, có cảm hứng mang tính ngợi ca nhưng cũng có sự rụt rè e ngại về những mặt trái của nền kinh tế thị trường.

Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

Ven Xôn (1939 -), hội viên Hội nhà văn, giải nhì “Giải thưởng ngày Bảy tháng Giêng” năm 1997.

Ven Xôn bắt đầu sáng tác văn học từ sau ngày đất nước Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng. Năm 1987, tác phẩm “*Mãi mãi đợi chờ*” của ông đạt giải ba. Năm 1991, ông đoạt giải nhất cuộc thi thơ toàn quốc với tác phẩm *Lời dặn nhà thơ (Bòn-đăm ka-vây)*. Cả hai cuộc thi này do Bộ văn hóa, Thông tin-tuyên truyền tổ chức. Sau năm 1993, Ven Xôn tiếp tục sáng tác, trong đó *Lời dặn người con Khmer* đạt giải tư về thơ “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech”, năm 1996 và *Giấc mơ thiên đường* đạt giải nhì về thơ “Giải thưởng Ngày Bảy tháng Giêng” năm 1997.

Giấc mơ thiên đường, tái hiện lại một cách nhẹ nhàng xã hội Campuchia dưới thời diệt chủng. Mục đích chính của *Giấc mơ thiên đường* là nhắc nhở thế hệ hiện tại cũng như mai sau hãy nhớ mãi bài học sai lầm của giới cầm đầu “Campuchia dân chủ” – những người đã sao chép y nguyên tư tưởng ngoại quốc, gây nên thảm họa cho dân tộc. *Giấc mơ thiên đường* còn là một sự nhắc nhở, hướng bạn đọc, nhất là lớp người trẻ tuổi, vào việc bảo vệ tiêu ngữ (motto) của Vương quốc Campuchia là “Dân tộc, Tôn giáo, Nhà vua” bằng các biện pháp hòa bình, phi bạo lực.

Kum- pèch Pi-nuôn (1961-), giải nhì “Giải thưởng ngày Bảy tháng Giêng”,

năm 1997.

Ông là thạc sĩ nghệ thuật học, hiện làm việc tại Khoa Sân khấu, Đại học Mỹ thuật Hoàng gia. Bước vào “làng văn” từ năm 1983 với vở kịch nói “*Tám lòng anh*”, sau đó ông còn có các tác phẩm: “*Chú nông dân Kun*” (kịch, 1984), *Con sinh trước cha* (kịch, 1985), *Bố tôi kể chuyện* (truyện ngắn, 1987). Sau năm 1993, ông vẫn tiếp tục sáng tác, trong đó đáng chú ý nhất là tiểu thuyết *Bản nhạc vu quy bất hạnh*, tác phẩm đạt giải Nhì “Giải thưởng ngày Bảy tháng Giêng” năm 1997, xuất bản 1998.

Bản nhạc vu quy bất hạnh đưa người đọc trở về những năm tháng dưới thời Pôl Pốt. Đó là những năm tháng đen tối, đói khổ, loạn lạc. Hai anh em ruột Lẹ và Lẹ-kha-na liên tục bị Angca (tổ chức) bắt lao động khổ sai trong các “công xã nông thôn” mà thực chất là các trại tập trung trá hình. Từ đó họ thất lạc nhau. Nhưng rồi như một định mệnh, hai anh em lại bị Angca đứng ra mai mối, “cưới gả” thực chất là buộc họ phải thành vợ chồng. Nỗi cay đắng cùng cực nhất là hai anh em chỉ nhận ra nhau chính vào lúc bản nhạc vu quy nổi lên.

- Un Xóc-heang (1967-), hội viên Hội Nhà văn, giải nhất “Giải thưởng ngày Bảy tháng Giêng”, năm 1997.

Un Xóc-heang hiện làm việc tại Bộ Công nghiệp, mỏ và năng lượng. Ông bắt đầu sáng tác từ những năm tám mươi của thế kỷ trước với hai cuốn tiểu thuyết *Đường vào trái tim* và *Người viết trẻ* (1987). Năm 1989, ông đoạt giải ba tại cuộc thi văn học nghệ thuật do thành phố Phnôm Pênh tổ chức với tiểu thuyết *Sóng biển*. Sau năm 1993, ông tiếp tục sáng tác, trong đó *Đêm yên tĩnh* (tiểu thuyết) đạt

giải năm “*Giải thưởng Preah Sihanouk Riech*” năm 1995 và Ngày không rơi⁽⁷⁾ (tiểu thuyết) đoạt giải nhất “*Giải thưởng ngày Bảy tháng Giêng*” năm 1997. Ngoài ra ông còn có một số truyện ngắn đăng trên tạp chí *Nước hồ Tôn-lê Sáp*.

Ngày không rơi, 385 trang, 8 phần, mô tả một cách hết sức chân thực và sống động đất nước Campuchia trong thời gian ba năm tám tháng hai mươi ngày dưới chế độ diệt chủng của Pôl Pôt. Sống trong một xã hội còn hơn là một địa ngục, những người dân Campuchia - những nô lệ hiện đại, đã bị biến thành những con vật người. Cuốn tiểu thuyết như một cuốn phim quay chậm gồm 8 tập (8 chương). Từ chương 1 “Làng trống”, chương 2 “Nhà vắng”, miêu tả sự khởi đầu của nỗi bất hạnh, tất cả người dân bị “lùa ra khỏi làng” “đuổi ra khỏi nhà” đến các chương tiếp theo *Tan vỡ, Lửa than cũ, Chết trước khi chết, Dưới những hạt mưa sắt, Bản đồ địa ngục, Tôi không có lỗi* mô tả cuộc sống cơ cực của dân chúng Campuchia mà đỉnh điểm là cảnh họ phải ăn thịt chính những đứa con của mình để duy trì sự sống. Nhưng rồi, từ vực sâu của sự bất hạnh, niềm hạnh phúc vô bờ chợt ập đến, đất nước Campuchia được giải phóng vào ngày Bảy tháng Giêng năm 1979 (chương 8, *Cuộc đời mới*). Chính vì sự đau khổ tận cùng này mà tác giả đã gọi ngày Bảy tháng Giêng năm 1979, ngày đất nước Campuchia được giải thoát khỏi nạn diệt chủng là *Ngày không rơi*. Với tác giả, ngày này mãi mãi “neo đậu” trong ký ức, trong tâm hồn những người Campuchia chân chính. Tác phẩm là một lời tâm huyết, một lời nhắn nhủ, một lời cảnh tỉnh những ai còn hoài nghi về giá trị thiêng liêng của ngày Bảy tháng Giêng và rắp tâm lãng quên nó. Lãng quên ngày

này cũng là một tội ác, một thông điệp khá rõ ràng.

Kuông Bun-chươn (1939-), hội viên Hội nhà văn. Ông bắt đầu sự nghiệp văn chương của mình từ năm 1957 với tiểu thuyết “*Biển chết*”, mô tả cuộc đời của một tác giả đã dấu mình để viết về Biển hồ. Năm 1963, ông bị chính quyền bắt vì tội viết “*Lâu đài địa ngục*” (tiểu thuyết) có ngụ ý phê phán “Cộng đồng xã hội bình dân” do Hoàng thân N. Sihanouk lãnh đạo. Năm 1970 ông lại bị bắt giam vì tội đã viết “*Đâu là tương lai của nó*” phê phán chế độ cộng hòa của tướng Lon-non, người đã lật đổ Quốc trưởng, Hoàng thân N. Sihanuc vào ngày 18-3-1970. Sau ngày Bảy tháng Giêng năm 1979, ông làm việc tại Bộ Văn hóa, Thông tin-Tuyên truyền. Trong thời kỳ này ông sáng tác trở lại và cho xuất bản tập thơ “*Lửa lòng*” (1983). Năm 1985 ông viết “*Lá lia cành*” (tiểu thuyết) ca ngợi tấm lòng quốc tế cao cả của quân tình nguyện Việt Nam, nhất là đối với những trẻ em mồ côi Campuchia. Năm 1987 ông viết, “*Người đi qua giông bão*” (tiểu thuyết). Từ sau năm 1993, ông tiếp tục sự nghiệp văn chương của mình với một chùm tiểu thuyết: *Ánh kiếm Pô Nhia-yat* (1995), *Hoa Rùm đuông* (1995), *Đom đóm* (1995), *Nấm mồ nguyên* (1997), *Số phận nàng Ma-ri-na* (2000)⁽⁸⁾ v.v... Trong số này, 3 tác phẩm *Hoa Rùm - đuôn*, *Đom đóm* và *Nấm mồ nguyên* tuy không được giải nhưng lại gây được sự chú ý trong giới văn chương Campuchia đương thời bởi cách nhìn thời cuộc qua những vấn đề mới mẻ mà tác giả đặt ra trong các tác phẩm, nhất là ở hai tiểu thuyết *Đom đóm* và *Nấm mồ nguyên*.

Hoa Rùm-đuôn, Kuông Bun-chươn chủ trương tái hiện một cách chân thực xã hội

Campuchia dưới thời “Cộng hòa nhân dân Campuchia” (1979-1989). Theo tác giả, đó là một thời khó khăn nhưng rất đổi hào hùng. Chàng thanh niên Chê Chi-vin và cô gái Chăn Rùm-đuôn, hai nhân vật trung tâm của tiểu thuyết, đại diện cho lớp thanh niên trẻ tuổi Campuchia lúc đó, đã dám chấp nhận hy sinh mỗi tình đẹp đẽ, thơ mộng nhưng cũng đầy khó khăn của mình, để bảo vệ tổ quốc, chống lại tàn dư của bọn diệt chủng. Còn với *Đom đóm*, Kuông Bun-chươn lại trần trở về một hiện thực mới mà giai đoạn trước chưa đặt ra hoặc mới chỉ manh nha, đó là nền kinh tế thị trường và những hệ lụy của nó. Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là phê phán các chuẩn mực xã hội đang thay đổi một cách nhanh chóng. Đó là xã hội “đã quen đánh giá con người qua hình thức hơn là nội dung”, “những người có nhà lầu, xe hơi, có điện thoại di động đời mới được vinh danh, được ca ngợi hết lời, những người “buôn nước bọt”, “chỉ trở” không có vốn liếng, chuyên môn nghiệp vụ nhưng giàu lên nhanh chóng được đánh giá rất cao, còn những người cầm cày, người đi xe đạp cà tàng, người ngủ đường ngủ chợ lại bị khinh ghét, dè bỉu”. Theo tác giả, một số kẻ đang giàu lên một cách nhanh chóng và đáng ngờ chỉ là “những con đom đóm”, nó không thực chất, chỉ “lập lòe” được trong đêm tối. Nó sẽ tan ra dưới ánh sáng của mặt trời “pháp luật, chân lý”. Với Kuông Bun-chun đó là một xã hội đang “thích đùa với bướm bướm nhưng lại không hề quan tâm tới việc bướm bướm có thể biến thành sâu”. Không gì rõ hơn ngụ ý của tác giả khi đặt tên cho cuốn tiểu thuyết của mình là *Đom đóm*.

Là một chứng nhân của lịch sử, cũng như nhiều nhà văn cùng thời khác, Bun-

chươn tiếp tục đi sâu phản ánh một “xã hội nhà tù không có tường bao quanh” qua “Năm mồ nguyên” của mình. Nhưng trên những “chất liệu” cũ là tội ác của bọn diệt chủng, Kuông Bun-chươn lại muốn hướng người đọc vào những vấn đề khác, ấy là giá trị bền vững, trường tồn của truyền thống văn hóa dân tộc. Hình ảnh trung tâm của tiểu thuyết là cảnh máy tên đồ tể giết hại một nữ diễn viên múa Áp-sa-ra xinh đẹp ở ngay chân đê. Mặc dầu đã chết, chị vẫn cầm chắc trong tay và giờ cao bức phù điêu Áp-sa-ra. Đây là một hình tượng nghệ thuật mang tính hư cấu, nhưng nó có tính biểu tượng hết sức sâu sắc, rằng sự tàn bạo có thể nhất thời giết hại được người dân Campuchia về mặt thể xác, nhưng không thể tiêu diệt được tâm hồn dân tộc, rằng cái Chân, Thiện, Mỹ rồi sẽ chiến thắng cái ác. Bởi vậy, cuốn tiểu thuyết còn “là lời hiệu triệu”, như chính tác giả khẳng định, thế hệ trẻ, đặc biệt là những người sống xa tổ quốc phải biết nâng niu, quý trọng và gìn giữ tất cả những gì tinh túy nhất, tốt đẹp nhất của phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống, vốn được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc Khmer. Qua ba tác phẩm này, người đọc nhận thấy khá rõ tâm thế và “điểm nhìn” của Kuông Bun-chươn. Đó là một người mang tư tưởng dân tộc chân chính và một tâm hồn nhân hậu sâu sắc. Ông đến với *Hoa Rùm-đuôn*, *Năm mồ nguyên* với cảm hứng sáng tạo của một nhà xã hội và một nhà dân tộc chủ nghĩa. Ông ngợi ca sự hy sinh anh dũng của những người như Chê Chi-vin và Chăn Rùm-đuôn (*Hoa Rùm-đuôn*) cũng là để bảo vệ một đất nước độc lập, một xã hội công bằng, bác ái mà trong những năm tám mươi của thế kỷ trước chỉ

có thể là bảo vệ nhà nước “Cộng hòa nhân dân Campuchia”. Cũng vì lý tưởng công bằng bác ái mà ông phê phán “xã hội vị kim tiền”, đang quay lưng lại với những chuẩn mực, những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, mặc dù vừa mới manh nha trong thời của “nền kinh tế thị trường” (*Đom đóm*). Và, cũng vì những giá trị văn hóa dân tộc ấy mà ông xây dựng nên hình tượng người diễn múa xinh đẹp mặc dù bị sát hại vẫn giương cao bức tượng Ap-sa-ra như một sự bất tử của văn hóa (*Nấm mồ nguyên*). Cũng cần nói thêm, khi Kuông Bun-chươn viết *Đom đóm* (1995), nền kinh tế thị trường của Campuchia mới diễn tiến được ba năm. Mọi tác động của nó, dù là tích cực hay tiêu cực, cũng mới chỉ bắt đầu. Bởi vậy, nếu như *Hoa Rùm-đuôn* và *Nấm mồ nguyên*, ông viết với tất cả sự nghiệm sinh của đời mình thì *Đom đóm* lại là một dự báo đầy tính miễn cảm của người cầm bút, được bắt đầu từ những tín hiệu xã hội. Cho đến nay, rất tiếc, điều dự báo ấy đã trở thành hiện thực. Bởi lẽ, cho dù không thể phủ nhận rằng cuộc sống đang ngày một đổi thay theo hướng tích cực ở đất nước Chùa Tháp tươi đẹp này thì cũng không thể không nhận ra một sự thật khác, đó là sự bần cùng của một bộ phận công chúng, là sự tha hóa của không ít kẻ, bằng cách này hay cách khác, giàu lên một cách nhanh chóng mà bất chính... Như vậy, có thể nói, Kuông Bun-chươn đã thể hiện một cái nhìn mới, khác lạ, nhưng cũng khá nhất quán về đất nước, về con người Campuchia.

Păn Van-na-ri-ra (1954-), hội viên Hội nhà văn, giải nhất “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech” năm 1995.

Păn Va-na-ri-ra đỗ tú tài phần II năm 1974. Sau năm 1979, bà làm việc tại

Phòng văn hóa quận Cham ka-môn (Phnôm Pênh) và là một trong những người sáng lập Hội nhà văn Phnôm Pênh. Trong những năm tám mươi (thế kỷ XX), 2 tiểu thuyết *Trăng tà* và *Chân trời mới của niềm hy vọng* của bà đã đoạt giải nhất và giải nhì tại cuộc thi văn học nghệ thuật nhân kỷ niệm 10 năm ngày đất nước thoát khỏi nạn diệt chủng (1979-1989). Sau năm 1993, Păn Va-na-ri-ra sáng tác rất nhiều, chỉ tính đến năm 2000, bà đã có tất cả 24 tiểu thuyết và 8 kịch video⁽⁹⁾, trong đó *Không thể quên* đoạt giải nhất “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech” năm 1995.

Không thể quên là câu chuyện kể về người con gái mồ côi cả cha lẫn mẹ, không người thân thích, không nơi nương tựa. Một con người luôn bị bám riết bởi các hình ảnh đơn côi, không nhà, không cửa, lang thang, đói khát của quãng đời tuổi thơ. Chỉ có Trung tâm Hoa hồng (trại trẻ mồ côi ở Phnôm Pênh dưới thời Cộng hòa nhân dân Campuchia - người viết) là nơi dung thân, là “thiên đường” để xoa dịu nỗi đau cho cô và các bạn trẻ cùng cảnh ngộ. Khi có chút vốn liếng trong tay, cô không quên mình có trách nhiệm đóng góp để cứu giúp những mảnh đời bất hạnh. *Không thể quên* còn là tiếng nói tự đáy lòng, tiếng nói thủy chung giữa cô gái mồ côi với người bạn đời thương tật của mình. Hội đồng “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech” đánh giá “*Không thể quên* là một áng văn đẹp, ngợi ca một cuộc đời đã biết vượt lên số phận, vượt qua muôn ngàn khó khăn, đấu tranh không ngưng nghỉ, không chỉ vì bản thân mình mà còn vì biết bao cuộc đời cùng cảnh ngộ”. Chính vì điều này mà tiểu thuyết đã đoạt giải nhất “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech” năm 1995 và được Hội nhà văn xuất bản năm 1996.

- Pôn Pi-xây, giải nhất “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech” năm 1995.

Pôn Pi-xây, sinh năm 1958, nhà thơ, nhà văn, hội viên Hội Nhà văn, làm việc tại Sở Công nghiệp, mỏ, năng lượng Phnôm Pênh.

Pôn Pi-xây được biết đến từ hai bài thơ *Linh hồn Khmer* và *Khmer ơi* được phát trên Đài phát thanh quốc gia năm 1973. Cũng trong năm 1973, bà cho xuất bản hai cuốn tiểu thuyết *Cuộc buộc chỉ cổ tay đây nước mắt* và *Tình yêu số phận*. Sau năm 1979, Pôn Pi-xây tiếp tục làm thơ, trong đó hai bài thơ *Đá thử Khmer*, *No cả một đời* (Báo Campuchia, 1983) được nhiều người biết đến. Năm 1991, truyện thơ *Vàng mười* của Pôn Pi-xây được giải khuyến khích tại Liên hoan sáng tác văn học nghệ thuật toàn quốc.

Sau năm 1993, Pôn Pi-xây viết khá nhiều. Tuy nhiên người đọc chú ý đến Truyện thơ *Sân khấu đời người*, tác phẩm đoạt giải nhất “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech” (1995) và *Hoa kê sô kôn*, giải nhì cuộc thi do Trung tâm Phụ nữ Campuchia tổ chức (1996).

Sân khấu đời người là ý nghĩa cuộc đời mà mỗi người trải nghiệm từ những góc độ khác nhau. Thông qua mối quan hệ của một gia đình, với những biến cố, thăng trầm nhưng vẫn giữ được tình cảm yêu thương gắn bó ruột rà, truyện thơ đề cao vai trò của gia đình trong giai đoạn đất nước có những thay đổi về chuẩn mực, về hệ giá trị dưới tác động của nền kinh tế thị trường. Nhưng trên hết, *Sân khấu đời người* là bài ca về lòng mẹ khoan dung, nhân hậu: “Mẹ còn sống là còn bóng cả / Chở che con năm tháng cuộc đời / Là bẻ măng đưa con tới bến / Mẹ! mẹ ơi! mẹ

ơi!”⁽¹⁰⁾. *Sân khấu cuộc đời* còn là bài học giáo dục về sự bình đẳng trong thế hệ thanh niên nam nữ, khuyên họ làm tốt vai trò người chồng, người vợ và cao hơn là hoàn thành trọng trách của mình trong thời kỳ mới. Cũng có nhà nghiên cứu văn học Campuchia đi xa hơn, cho rằng *Sân khấu người* còn mang một ý nghĩa biểu tượng về bà mẹ Khmer nhân hậu, nhưng đau thương, đi suốt dọc dài của lịch sử đất nước⁽¹¹⁾.

- Mau Xòm-nang (1959-), nữ hội viên Hội nhà văn, giải nhất “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech”, 1995.

Mau Xòm-nang “trình làng” tác phẩm đầu tay của mình bằng tiểu thuyết *Cái dốc tình* (1982). Những năm dưới chế độ Cộng hòa nhân dân Campuchia (1979-1991), bà là một trong những người sáng tác nhiều và đều đặn nhất. Sau năm 1993, bà vẫn tiếp tục sáng tác. Tính đến năm 1996, bà đã có tất cả 24 tiểu thuyết và trên 10 vở kịch video được xuất bản⁽¹²⁾, trong đó *Sóng xô cát* đoạt giải nhất (thể loại tiểu thuyết) “Giải thưởng Preah Sihanouk Riech” năm 1995, được Hội nhà văn Khmer xuất bản năm 1996.

So với các tiểu thuyết được giải khác như *Ngày không rơi*, *Sóng xô cát* không dày dặn bằng, chỉ vắn vện 145 trang, được chia thành bảy phần (*Hối hận*, *Cây cầu tình yêu*, *Hòn đảo*, *Hận lòng*, *Đoán không ra*, *Nhẫn nại*, *Dấu vết tình yêu*), nhưng Mau Xòm-nang đã đưa người đọc vào một thế giới phức tạp của đất nước Campuchia sau khi thoát khỏi cuộc nội chiến để bước vào cuộc sống mới. Đó là một Campuchia đang trong giai đoạn chuyển đổi, với những mối quan hệ chồng chéo, đan xen, phức tạp, với những thân phận giàu sang

có, thấp hèn có, chính trực có, bất nhân có. Bởi vậy, cuốn sách đầy ắp các biến cố, các sự kiện, các tình tiết, mặc dầu cốt truyện xoay quanh thân phận của một cô gái bị chính người cha ruột của mình bỏ rơi từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Câu chuyện bắt đầu từ một chút hiểu lầm mà ông Na-rét đã đuổi bà Mon-tha ra khỏi nhà khi bà đang mang thai cô con gái Bô Sê-ba. Bà Mon-tha phải kiếm sống và nuôi con một mình với bao nỗi cô đơn, khổ cực. Mon-tha vô cùng uất hận. Bà tìm cách trả thù chồng bằng cách quyết chí nuôi con gái “ăn học nên người”. Không phụ lòng mẹ, Bô Sê-ba trở thành một viên chức nhà băng tư nhân. Nhưng cũng như người mẹ của mình, Bô Sê-ba phải chịu bao sự va đập của cuộc đời. Đầu tiên, Bô Sê-ba gặp và yêu Phay-dốt, một ông chủ trẻ tuổi thường xuyên ra rút tiền tại nhà băng. Mối tình của hai người rất đẹp. Họ đã ấn định ngày cưới. Nhưng hôn lễ bị hủy bỏ do mưu mô của hai anh em Đì-năn và Ni-na, những kẻ chuyên buôn lậu kim cương và ăn chơi khét tiếng ở tỉnh Puốc-Sát. Bô Sê-ba tuyệt vọng, đau khổ. Nhưng may mắn, Bô Sê-ba lọt vào mắt xanh của viên thanh tra cảnh sát Dút-thi. Tuy nhiên, ngay sau ngày cưới, Du-thi nghi ngờ lòng chung thủy của vợ, nhất là khi nhìn thấy Bô Sê-ba vô tình đi bên cạnh Đăn-ni (chính Bô Sê-ba sau đó cũng bị Đăn-ni đâm phải vào bệnh viện). Du-thi luôn vô cơ mắng nhiếc, hành hạ vợ và tìm cách bỏ đi khỏi nhà. Đây là sự hành hạ nặng nề về mặt tinh thần. Trong khi đó Đăn-ni, con gái của một nạn nhân mới bị giết chết mà Du-thi đang có phận sự điều tra lại “phải lòng” viên cảnh sát này. Rồi Du-thi bị chính Đăn-ni bắn vào chân, phải vào bệnh viện. Một lần nữa hạnh phúc tan vỡ, Bô Sê-ba bỏ ra nước ngoài. Lúc này,

Du-thi được Phay-dốt, người yêu đầu của Bô Sê-ba, cho hay rằng tất cả các biến cố xảy ra với anh đều do anh em Đăn-ni và Na-ni “sắp đặt”. Biết được tin này, Du-thi lao xe ra phi trường Pô-chen-tông, vừa kịp ngăn chuyến xuất ngoại bất đắc dĩ của vợ. Ở “một nhánh khác” của câu chuyện, một buổi tối, nhân khi bà Na-li, người vợ sau của ông Na-rét đi vắng, bà Mon-tha dẫn Bô Sê-ba đến gặp bố. Sau cái ngày ấy, ông Na-rét mang đồ đạc ra khỏi nhà và đến ở khách sạn vì cho rằng tất cả chỉ tại bà Na-li. Vì sự việc này mà bà Na-li đã thuê lái xe Chom đâm chết bà Mon-tha. Nhưng Du-thi đã kịp thời ngăn chặn được hành động giết người này. Mặc dầu có lúc mâu thuẫn, xung đột được đẩy lên đỉnh điểm, nhưng *Sóng xô cát* lại kết thúc có hậu theo lối truyền thống. Ông Na-rét thừa nhận đứa con ruột của mình, và được bà Mon-tha thông cảm, tha thứ, bà Na-li bị tổng giam, Đì-năn, kẻ sát nhân giết hại bố cô Đăn-ni và là tên buôn lậu kim cương cũng bị bắt. Đặc biệt, Du-thi đã thừa nhận sai lầm và tái hợp cùng Bô Sê-ba.

Có thể có nhiều người cho rằng *Sóng xô cát* có quá nhiều tình tiết, sự kiện mà quá mỏng về khía cạnh tâm lý để tạo nên những nhân vật văn học đích thực. Nhận xét này không phải không có lý. Nhưng, văn học Campuchia, như thường thấy, vẫn thiên về mặt hành động. Điều này có nguồn gốc từ trong lịch sử văn học, và lại, nó cũng phản ánh, đồng thời cũng là để đáp ứng một thị hiếu mang tính phổ quát của phần lớn độc giả Campuchia nói chung, đó là *văn chương dùng để diễn chứ không phải để đọc*. Tuy nhiên, đối với Mau Xom-nang, điều ấy cũng không quan trọng lắm. Cái bà quan tâm là hiệu quả xã hội của tác phẩm. Ở *Sóng xô cát*, Mau

Xom-nang đã sử dụng một mô típ rất quen thuộc trong văn học Campuchia là thân phận của người phụ nữ, nhất là những phụ nữ mồ côi hay có số phận bất hạnh mà điển hình tiểu thuyết *Phận đàn bà* của Lác Ra-ry⁽¹³⁾. Khác chăng là cái thông điệp mà Mau Xòm-nang muốn chuyển tới độc giả. Chúng ta biết rằng, đầu những năm chín mươi của thế kỷ trước, Campuchia vừa mới bước ra khỏi cuộc nội chiến đau thương kéo dài hàng chục năm để đi vào một thời kỳ mới, thời kỳ khôi phục và phát triển đất nước dưới chế độ quân chủ lập hiến nhưng theo đường lối kinh tế thị trường và tự do, đa đảng. Về xã hội và văn hóa, cũng như bất kỳ một đất nước nào phải trải một giai đoạn chuyển đổi, Campuchia đang hình thành và tồn tại đan xen nhiều thang/bậc giá trị khác nhau, có cái tốt, cái xấu, có cái cao cả, cái thấp hèn, có cái vị tha và cái vị kỷ... Về chính trị, mặc dầu các đảng phái đã có những thỏa thuận cần thiết để lập nên một Chính phủ liên hiệp, nhưng tình hình đất nước vẫn còn hết sức phức tạp. Những mầm mống bất ổn chưa được giải quyết một cách triệt để. Nguy cơ về một cuộc nội chiến vẫn còn. Vì thế hòa giải, hòa hợp dân tộc được xem là một chiến lược, trong đó tư tưởng khoan dung (tolerance) được xem là hạt nhân quan trọng nhất. Bởi vậy, ẩn chứa trong câu chuyện mang nặng tính chất nhân bản này phải chăng là tư tưởng khoan dung? Rất có thể như thế. Nhưng đồng thời tác giả còn muốn ký thác vào tác phẩm một triết lý: sống là phải biết đấu tranh, dám đương đầu với những vấn đề mới nảy sinh, luôn coi “cuộc đời như sân khấu, khi ta chấp nhận thất bại sẽ chẳng có tiếng vỗ tay, chẳng có sự ngưỡng mộ, phải đấu tranh để giành

chiến thắng. Chỉ có vậy chúng ta mới giành được chính cuộc sống của chúng mình”⁽¹⁴⁾. Với Mau Xom-nang, sống là phải biết yêu cái đẹp, yêu chân lý, yêu lẽ phải, ghét thói đố kỵ nhỏ nhen, ghét bản chất xấu xa của những kẻ hư hỏng, luôn tìm cách hủy hoại cuộc sống của người khác nhưng cũng biết biết nhân nhượng, tha thứ với những người biết nhận ra lỗi lầm. Có thể nói *Sóng xô cát* là cuộc đấu tranh không ngơi nghỉ của những con người không nơi nương tựa trong bão tố, giống như những hạt cát bị những đợt sóng liên hồi xô đẩy trên bãi biển (vì thế mà tiểu thuyết có tựa đề *Sóng xô cát*). Vì sự thành công của tác phẩm trên phương diện tái hiện cuộc sống và thức tỉnh lương tâm mà Tiến sĩ Hema Goonatilake, đại diện Quỹ Heinrich Böll đã viết trong lời đề tựa khi tác phẩm được xuất bản rằng “Trong lịch sử ngày nay, khi Campuchia cần có ổn định, độc lập dân tộc và phát triển, những người viết văn có nhiệm vụ rất quan trọng trong việc bày tỏ chính kiến của mình. Campuchia hiện nay cần có phương hướng lãnh đạo và định hướng đối với người ủng hộ. Người viết văn sáng tạo, có thể tạo nên phương hướng chỉ đạo và hướng ủng hộ đó, tức là tạo ra ảnh hưởng tương tự như người lãnh đạo chính trị và hơn thế nữa, như tục ngữ có câu: “ngồi bút mạnh hơn giáo mác”.

Ngoài các khuynh hướng chủ đạo trên, tuy chưa trở thành một khuynh hướng, nhưng đã xuất hiện những nhà văn muốn thử sức mình trong loại truyện mang tính thương mại để kiếm sống, mặc dù số người thực sự sống được bằng “nghề văn” là cực ít, nếu không muốn nói là chưa có. Bên cạnh đó còn có một số nhà văn dựa vào các câu chuyện cổ để sáng tạo thêm nhằm

phục vụ nhu cầu của một số độc giả có tư tưởng trở về với quá khứ huy hoàng Angkor xưa.

Có thể nói, sau năm 1993, văn học Campuchia được hồi sinh và dường như nó được tiếp thêm sức mới, ít nhất là về tổ chức, để “trăm hoa đua nở”. Nhưng văn học Campuchia cũng phải đứng trước một cuộc cạnh tranh mới: “văn hóa đọc” bị lấn át bởi “văn hóa nghe nhìn” đang được hỗ trợ đắc lực của các phương tiện kỹ thuật hiện đại, cùng tâm lý hưởng thụ của một bộ phận công chúng, nhất là công chúng trẻ. Thứ đến, vì sự mưu sinh, một bộ phận lớn công chúng không có thời gian và cũng chưa có hứng thú đến với văn học. Dù sao, trong bối cảnh hiện thời, những chuyển động, những khuynh hướng văn học Campuchia cũng khá rõ ràng và rất đáng được ghi nhận. /

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khing Học Dy: *Tổng quan về văn học Khmer*, L'Harmattan, Paris, 1997 (tiếng Khmer).
2. Khing Học Dy: *Văn học Khmer thế kỷ XX*, Phnôm Pênh, 2002 (tiếng Khmer)
3. Klairung Amratisha: *The Cambodian Novel a Study of Emergence and Development* (Presented for the Degree of Doctor of Philosophy of the University of London 1998)
4. Manh Xa-ri: *Từ điển văn học Khmer* (giản lược), Phnôm Pênh, 1999 (tiếng Khmer)
5. Tan Xo-khun-thia: *Sự tiến triển của văn học Khmer giai đoạn 1979-1999*, Phnôm Pênh, 2002 (tư liệu Viện Hàn lâm Hoàng gia Campuchia, tiếng Khmer)
6. *Từ điển Lịch sử và văn hóa Campuchia*. Đề tài cấp Bộ, Nguyễn Sỹ Tuấn chủ biên, Viện KHXHVN, 2010

7. *Từ điển văn học Đông Nam Á*, Nguyễn Đức Ninh chủ biên, NXB. KHXH, H, 2004

CHÚ THÍCH

1. Hội nhà văn Khmer được thành lập lần đầu tiên vào năm 1956, do nhà văn Rim-kin, tác giả *Sô Phát* cuốn tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Campuchia (1938), làm Chủ tịch Hội. Lúc mới thành lập, Hội chỉ có 30 hội viên, đến năm 1972 Hội đã có 185 hội viên. Dưới chế độ diệt chủng Pôl Pốt-Ieng xa ry, phần lớn các nhà văn Campuchia đã bị sát hại, số may mắn hơn “được” đưa vào các trại tập trung. Theo đó, văn học Campuchia (trong nước) cũng bị biến mất khỏi đời sống xã hội. Sau ngày Bảy tháng Giêng năm 1979, Chính phủ Cộng hòa nhân dân Campuchia đã có nhiều cố gắng để khôi phục nền văn học nghệ thuật Campuchia. Nhiều cuộc thi sáng tác văn học được tổ chức. Nhiều người có khả năng, có trình độ và có tâm huyết với nền văn học dân tộc đã hăng hái tham gia. Tuy nhiên phần lớn họ là những cây bút không chuyên nghiệp. Các cuộc thi, các phong trào văn học lúc này đều do Bộ Văn hóa-Thông tin-Tuyên truyền đứng ra đảm trách.
2. Các tác phẩm chính của You Bo (1942-): *Đường vui* (tuyển tập thơ, 1962), *Người con gái mất tích* (tiểu thuyết, 1972), *Tiên nữ trên đảo Chen-la* (tiểu thuyết, 1973), *Thanh long đao* (tiểu thuyết, 1974), *Nhóm thiếu nhi đèn thần* (truyện cổ, 1984), *Lửa tình chung thủy* (truyện, 1990) ...; ông đã dịch hai tác phẩm *Người gác ngã ba đường* và *Ngõ hẹp* của Nguyễn Mạnh Tuấn ra tiếng Khmer (1986).
3. Thông tin do nhà văn You Bo, Chủ tịch Hội nhà văn Khmer cung cấp cho người viết.
4. Bao gồm các báo: *Người con Angkor*, *Sức mới*, *Sức mạnh kinh tế*, *Thời báo Campuchia*, *Đảo hòa bình*, *Khmer trung lập*, *Khmer độc lập*, *Quý đạo*, *Đương thời*, *Tin buổi sáng*, *Bayon*, *Linh hồn dân tộc*,

Phnôm Pênh mới, ý thức Khmer, Tổ quốc, Tia sáng Campuchia, Hào quang Angkor, Xã hội Khmer, Tiếng thét người dân Khmer, Tiếng nói công dân Khmer, Phổ thông, Kinh tế, Tự do mới, Văn minh, Lý tưởng Khmer... (theo Khing Học Dy: *Tổng quan về văn học Khmer*, L'Harmattan, Paris, 1997, tr. 141.

5. Sau khi giành được độc lập (1953) Campuchia đã trải qua 5 chế độ chính trị và một thời kỳ quá độ: “Cộng đồng xã hội bình dân” (1954-1969), “Cộng hòa Khmer (1970-1975), “Campuchia dân chủ” (1975-1979), “Cộng hòa nhân dân Campuchia” (1979-1991), “Thời kỳ quá độ dưới sự quản lý của UNTAC (1991-1993), thời Vương quốc Campuchia (từ 1993 đến nay).
6. Vương quốc Campuchia I là thời kỳ từ năm 1954 đến năm 1969, dưới sự trị vì của Quốc vương N. Sihanouk.
7. Tiểu thuyết này có tựa đề bằng tiếng Khmer là *Thờ-ngay mần rụ rôi*. Tựa đề này không dễ dịch ra tiếng Việt. Tiếng Khmer, *Thờ-ngay mần rụ-rôi*, nghĩa là ngày hoặc mặt trời (thờ-ngay) không (mần) rơi rụng (rụ rôi). Nó ám chỉ đến ngày Bảy tháng Giêng năm 1979, ngày đất nước Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng. Vì thế ngày này không bao giờ rơi rụng trong tâm khảm người Campuchia. Bởi vậy chúng tôi tạm dịch tiểu thuyết này là *Ngày không rơi*.
- 8 Chỉ tính đến năm 1994, Kuông Bun-chươn đã sáng tác được 114 tác phẩm (theo Manh Xa-ri: *Từ điển văn học Khmer* (giản lược), Phnôm Pênh, 1999, tr. 40 (tiếng Khmer).
9. Bao gồm: gồm: *Trăng tà* (1988), *Chân trời mới của niềm hy vọng* (1988), *Không thể nào quên* (1995), *Đêm tối cũng qua* (2000), *Nếu hoa có nước* (2000). Một số tiểu thuyết và kịch vi-deo chưa được xuất bản: *Đâu rồi tình yêu của tôi*, *Trời đã quang*, *Tình cũ giải phóng tình mới*, *Sáu năm đợi chờ*, *Thay đổi bạn tình*, *Bầu trời cũ trăng mới*, *Chỉ tại yêu*, *Ghét tận cổ, yêu muốn nổ tim*, *Quá khứ - quà tặng cuộc đời*, *Tiền bạc - Cái bẫy trần gian*, *Cái thừa của lời hứa vô nghĩa*, *Con tàu tình yêu*, *Thử thôi đừng giận*, *Bản nhạc không*

chuẩn, Không hoàn toàn sai, Không dò được lòng em, Bình phong trong lòng, Mỗi tối ai là người khóc (tiểu thuyết); *Sóng nổi không gió, Ang-ka, Cộm lòng, Cành gai, hoa đẹp, Trêu đời, Hôm qua, ngày mai, Trò chơi tình yêu và lòng nham hiểm, Thiên đường mù mịt* (kịch video).

10. *Sân khấu đời người*. Hội nhà văn Khmer, Phnôm Pênh, 1996, tr. 30.
11. Xem: Tan Xo-khun-thia: *Sự tiến triển của văn học Khmer giai đoạn 1979-1999*, Phnôm Pênh, 2002 (tư liệu Viện Hàn lâm Hoàng gia Campuchia, tiếng Khmer), tr. 76.
12. Bao gồm các tác phẩm: *Cái dốc tình* (1982), *Một nhánh đọt-may* (1982), *Tướng cướp oai hùng* (1982), *Triều cường Tây-Nam* (1982), *Đảo cách trở* (1982), *Nước mắt Kri-đa-na* (1982), *Lời thề ước bí mật* (1982), *Thỏa thuận lúc mặt trời mọc* (1983), *Bánh xe cuộc đời* (1983), *Linh hồn quý sứ* (1983), *Bí mật về đêm* (1983), *Hoa Va-ni-ga-ra* (1983), *Người vô địch đánh trống* (1983), *Lâu đài tình yêu đặc biệt* (1984), *Trái tim người phụ nữ săn thú* (1984), *Đêm màu tím* (1984), *Thỏ tiếc trắng* (1984), *Trăng mọc biên thủy* (1984), *Nàng tiên cá trên đảo tình yêu* (1985), *Lâu đài nổi* (1985), *Nụ cười ngày mai* (1985), *Bụi cát biển* (1985), *Món nợ cuối cùng* (1986), *Sóng xô cát* (1995)... , kịch vi-deo: *Cái mốc cuộc đời* (1994), *Núi thấp hơn cỏ* (1994), *Chim nuôi sống trong rừng* (1994), *Làng tôi nhà ma* (1994), *Triều cường Tây-Nam* (1994), *Con gái lạc vườn hoa* (1994), *Giấc mộng tình yêu* (1995), *Tại nơi đường rẽ* (1995), *Quý sứ đặc biệt* (1995), *Tình yêu bất tận* (1995), *Tình yêu hai dân tộc* (1995), *Chim mỏ sắt* (1996), *Mối tình bất diệt* (1996), *Phận đàn bà* (1996).
13. *Phận đàn bà*, tiểu thuyết được tặng giải thưởng văn học nghệ thuật Ân-tê-vi (1963). Nhân vật trung tâm của tiểu thuyết cũng là một cô gái mồ côi. Tư tưởng chủ đạo của tác phẩm là con người phải luôn tự lực để tạo ra hạnh phúc, giữ lấy hạnh phúc. Hạnh phúc không phải do số phận, hay do “tiền định” mà là do con người hiện tại quyết định.
14. *Sóng xô cát* (tác phẩm đã dẫn), tr.100.